

Bản án số: 380/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2026.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương Lam và ông Trần Quốc Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/10/1983; Căn cước công dân số: 046183011496, cấp ngày 11/01/2024; địa chỉ: Thôn P, xã C - L, thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 046077004494, cấp ngày 09/5/2021; địa chỉ: Thôn P, xã C - L, thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2026 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L có tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 12/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đã xảy ra mâu thuẫn, chị T thường xuyên bị anh Trần Văn L đánh đập và xúc phạm nhưng do vì hạnh phúc gia đình, con cái còn nhỏ nên chị cam chịu. Nguyên nhân do anh L có tính gia trưởng, cộc cằn nên coi thường vợ con. Từ năm 2017, chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó thương các con còn nhỏ nên đã đoàn tụ vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, anh L không có thay đổi tính cách nên giữa vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn như cũ, chị T và anh L sống ly thân từ tháng

7/2026 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Có ba người con chung là Trần Thị Trà M, sinh ngày 20/10/2005, Trần Văn Nhật T1, sinh ngày 06/10/2012 và Trần Thị Tuệ A, sinh ngày 13/10/2022. Từ khi ly thân cho đến nay, người con chung Trần Văn Nhật T1 do anh L trực tiếp nuôi dưỡng; người con chung Trần Thị Tuệ A do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung là Trần Thị Tuệ A cho đến khi đủ 18 tuổi, giao người con chung là Trần Văn Nhật T1 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; chị T và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với người con chung là Trần Thị Trà M, đã trưởng thành, đủ điều kiện lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND xã C – L, thành phố H) vào ngày 12/01/2005 và quá trình hôn nhân như chị T trình bày là đúng.

Anh L công nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và anh L cũng có đánh đập vợ con. Tuy nhiên nay anh đã thay đổi và không còn như vậy nữa, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp và do áp lực công việc nên đôi khi anh L có uống rượu bia dẫn đến thiếu kiềm chế. Từ năm 2017, chị T có gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ vợ chồng. Từ tháng 7 năm 2026 cho đến nay do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Trần Văn L nhận thấy vẫn tình cảm với chị Nguyễn Thị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung Trần Thị Trà M, sinh ngày 20/10/2005, Trần Văn Nhật T1, sinh ngày 06/10/2012 và Trần Thị Tuệ A, sinh ngày 13/10/2022. Từ khi ly thân cho đến nay, người con chung Trần Văn Nhật T1 do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, người con Trần Thị Tuệ A do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh L yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Văn Nhật T1 cho anh L, giao cháu Trần Thị Tuệ A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh L và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với người con chung là Trần Thị Trà M, sinh ngày 20/10/2005 đã trưởng thành, đủ điều kiện lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T; về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]Về nội dung, xét thấy:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh T (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 12/01/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Xét quá trình hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình hôn nhân anh L có hành vi đánh đập vợ, con nên chị T đã có lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn để đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, giữa chị T và anh L vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 7 năm 2026 cho đến nay, chị T và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nên chị T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn L. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2]Về con chung: Hiện người con chung là Trần Văn Nhật T1, sinh ngày 06/10/2012 đang sống với anh L, do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; người con chung là Trần Thị Tuệ A, sinh ngày 13/10/2022 đang sống với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, giao người con chung Trần Văn Nhật T1 cho anh Trần Văn L, giao người con chung Trần Thị Tuệ A cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với yêu cầu, ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con chung và theo đúng quy định pháp luật. Đối với người con chung là Trần Thị Trà M đã trưởng thành, đủ điều kiện lao động, các đương sự không yêu cầu về nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn L.

1.2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao người con chung là Trần Văn Nhật T1, sinh ngày 06/10/2012 cho anh Trần Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao người con chung là Trần Thị Tuệ A, sinh ngày 13/10/2022 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000174 ngày 13/7/2026 của Thị hành án dân sự thành phố H; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Xuân Cầm